

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 835/2026/DS-PT

Ngày 28-4-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Nhật Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Ông Nguyễn Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2026/TLPT-DS ngày 12/01/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2025/DSST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1257/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1989; địa chỉ: số D, tổ A, khu phố M, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (**Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2024**); có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Tuyết O, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Hoàng Á, sinh năm 1983; cùng nơi cư trú: ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- **Người kháng cáo:** bị đơn bà Lê Thị Tuyết O, ông Nguyễn Hoàng Á.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Do có quen biết với bà Lê Thị Tuyết O nên khoảng năm 2022, gia đình bà Lê Thị Tuyết O cần tiền để lo việc gia đình và trả nợ các khoản vay nên ông A và bà O có hỏi vay ông T 1.300.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và cam kết đến ngày 16/11/2022 sẽ trả đủ tiền cho ông T. Cụ thể: Ngày 12/7/2022, ông T cho bà O vay 50.000.000 đồng. Trong cùng ngày 12/7/2022 bà O vay ông T thêm 450.000.000 đồng. Ngày 27/7/2022, bà O vay ông T 450.000.000 đồng. Ngày 3/8/2022, bà O vay ông T 150.000.000 đồng. Bà O ký tên, lăn tay xác nhận nợ cho ông T đối với khoản vay 1.100.000.000 đồng, cam kết đến ngày 3/9/2022 trả đủ. Khoản vay 1.100.000.000 đồng là khoản vay chung của vợ chồng ông A, bà O dùng để sử dụng vào mục đích chi tiêu sinh hoạt gia đình. Do ông T tin tưởng nên không yêu cầu ông A ký tên, xác nhận nợ cùng với bà O.

Đến ngày 16/9/2022, vợ chồng ông Nguyễn Hoàng A và bà Lê Thị Tuyết O có mượn thêm ông T 200.000.000 đồng, bà O viết vào mặt sau của Hợp đồng đặt cọc đề ngày 16/9/2022 xác nhận bà O và ông A tiếp tục vay của ông T 200.000.000 đồng, xác nhận tổng nợ của ông A và bà O đã vay của ông T là 1.300.000.000 đồng, cam kết ngày 16/11/2022 trả đủ. Ông A và bà O cùng ký tên, lăn tay xác nhận nợ. Quá trình vay ông A và bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà O và ông A phải liên đới trả cho ông T tổng số tiền đã vay là 1.300.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Tuyết O trình bày:*

Vào năm 2022, bà O xác nhận có vay các khoản vay của ông T tổng số tiền là: 1.300.000.000 đồng, không tính lãi suất, mục đích vay chi tiêu sinh hoạt gia đình, thời hạn trả nợ của khoản vay 1.100.000.000 đồng là ngày 03/9/2022, thời hạn trả nợ đối với tổng khoản vay 1.300.000.000 đồng là ngày 16/11/2022. Quá trình vay số tiền 1.100.000.000 đồng theo các văn bản xác nhận nợ các ngày 12/7/2022, ngày 27/7/2022, ngày 03/8/2022 bà O và ông A vẫn là quan hệ vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, chi tiêu sinh hoạt gia đình chung, sống chung nhà, cùng nhau nuôi các con. Bà O và ông A đã ly hôn theo Quyết định số 513/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2023 của TAND thị xã Bến Cát, bà O và ông A thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 16/9/2022, bà O và ông A cùng ký tên, xác nhận nợ không bị ai ép buộc, cưỡng chế. Bà O cho rằng quá trình vay bà O đã trả cho ông T tiền gốc và lãi là 350.000.000 đồng, không lập giấy giao nhận tiền. Ngoài ra, bà O và ông A đã trả cho ông T 200.000.000 đồng của giấy xác nhận nợ ngày 16/9/2022 tại Biên lai thu tiền thi hành án số 0003098 ngày 22/7/2024 của chi cục thi hành án thành phố Bến Cát. Bà O tin tưởng ông T nên không lưu giữ bản chính nào của các giấy xác nhận nợ đối với số tiền vay của ông T 1.300.000.000 đồng để đối chiếu với giấy xác nhận nợ do ông T cung cấp tại Tòa nên đồng ý với nội dung giấy xác nhận nợ do ông T cung cấp tại Tòa làm căn cứ giải quyết vụ án. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà O đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do điều kiện khó khăn nên bà O chưa trả nợ được cho ông T.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hoàng Á trình bày:*

Vào năm 2022, bà O có nói vay của ông T 1.100.000.000 đồng, bà O ký tên, lẫn tay xác nhận nợ. Đến ngày 16/9/2022, ông Á và bà O cùng ký tên xác nhận nợ với ông T và mượn thêm 200.000.000 đồng, không bị ai ép buộc, cưỡng ép. Quá trình vay số tiền 1.100.000.000 đồng ông Á và bà O là quan hệ vợ chồng, chi tiêu sinh hoạt gia đình chung, sống chung nhà, cùng nhau đi làm tạo thu thập cùng nuôi con. Bà O và ông Á đã ly hôn theo Quyết định số 513/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2023 của TAND thị xã Bến Cát, bà O và ông Á thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Ông Á và bà O đã trả cho ông T 200.000.000 đồng mượn thêm của giấy xác nhận nợ ngày 16/9/2022 tại Biên lai thu tiền thi hành án số 0003098 ngày 22/7/2024 của chi cục thi hành án thành phố Bến Cát. Mặc dù Biên lai thu tiền thi hành án số 0003098 ngày 22/7/2024 của chi cục thi hành án thành phố Bến Cát là thi hành án cho tranh chấp hợp đồng đặt cọc ngày 16/9/2022 giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T và bị đơn ông Nguyễn Hoàng Á, bà Lê Thị Tuyết O được Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát giải quyết tại Quyết định số 74/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024 nhưng thực chất khi ông T cho ông Á và bà O vay thêm 200.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 16/9/2022 thì ông T bắt ông Á, bà O ký thêm hợp đồng đặt cọc. Do tin tưởng ông T nên ông Á, bà O không lưu giữ giấy tờ gì, cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông Á, bà O đã trả cho ông T 200.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 16/9/2022. Tại hợp đồng đặt cọc ngày 16/9/2022 không có nội dung nào thể hiện nội dung số tiền 200.000.000 đồng ông T đặt cọc cho ông Á, bà O và nội dung giấy xác nhận nợ ngày 16/9/2022 cũng là một nội dung giao nhận tiền, mà là 02 loại giấy khác nhau. Ông Á, bà O tin tưởng ông T nên không lưu giữ bản chính nào của hợp đồng đặt cọc ngày 16/9/2022 và giấy xác nhận nợ ngày 16/9/2022 để đối chiếu với giấy xác nhận nợ ngày 16/9/2022 nên đồng ý với nội dung giấy xác nhận nợ ngày 16/9/2022 làm căn cứ giải quyết vụ án. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Á không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2025/DSST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T đối với các bị đơn ông Nguyễn Hoàng Á, bà Lê Thị Tuyết O về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Hoàng Á, bà Lê Thị Tuyết O có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 1.300.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29 tháng 9 và ngày 02 tháng 10 năm 2025, bị đơn bà Lê Thị Tuyết O, ông Nguyễn Hoàng Á có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: có căn cứ xác định số tiền 200.000.000 đồng theo xác nhận nợ ngày 16/9/2022 đã được giải quyết theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 74/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị đơn đã thanh toán số tiền này cho nguyên đơn theo Biên lai thu tiền số 003098 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát. Do đó, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 200.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ ngày 16/9/2022. Số tiền còn lại, bà O, ông Á có trách nhiệm trả cho ông T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Tuyết O, ông Nguyễn Hoàng Á trong hạn luật định, căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Hoàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Lê Thị Tuyết O và ông Nguyễn Hoàng Á phải liên đới trả cho ông T tổng số tiền đã vay là 1.300.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Chứng cứ ông T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu của mình là các giấy xác nhận nợ ngày 12/7/2022, ngày 27/7/2022, 03/8/2022 và ngày 16/9/2022.

Xét chứng cứ của nguyên đơn thấy rằng:

Đối với giấy vay ngày 16/9/2022 đối với khoản tiền 200.000.000 đồng: Giấy vay này được lập ở mặt sau Hợp đồng đặt cọc ngày 16/9/2022 đối với số tiền 200.000.000 đồng ông T đặt cọc để nhận chuyển nhượng thửa đất số 168, tờ bản đồ số 38 tại xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Trên giấy vay này có chữ ký, dấu lãn tay của ông Á và bà O. Ông Á cho rằng chỉ cùng bà O vay số tiền 200.000.000 đồng của ông T còn việc lập hợp đồng đặt cọc là để đảm bảo cho khoản vay này, trên thực tế giữa ông T với ông Á, bà O không có việc đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Số tiền 200.000.000 đồng của hợp đồng đặt cọc và số tiền 200.000.000 đồng của hợp đồng vay cùng ngày 16/9/2022 chỉ là một khoản tiền. Ngoài ra, dòng chữ “*Tổng nợ là 1.300.000.000đ, cam kết 16/11/2022 trả đủ*” là ông T ghi thêm vào, ông Á không xác nhận nợ đối với khoản tiền 1.300.000.000 đồng. Ông Á, bà O đã đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng cho ông T theo Quyết

định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 74/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát và đã thanh toán theo Biên lai thu tiền thi hành án số 0003098 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát.

Xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định dòng chữ “*Tổng nợ là 1.300.000.000đ, cam kết 16/11/2022 trả đủ*” là của ông T ghi. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng 200.000.000 đồng của hợp đồng đặt cọc và hợp đồng vay là 02 khoản tiền khác nhau, tuy nhiên thời hạn đặt cọc, thanh toán của 02 khoản tiền này đều cùng là ngày 16/11/2022 và việc trong cùng một ngày bị đơn đã nhận đặt cọc của nguyên đơn 200.000.000 đồng mà lại tiếp tục vay của nguyên đơn 200.000.000 đồng là mâu thuẫn với thực tế. Do đó, bị đơn cho rằng khoản vay 200.000.000 đồng đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 74/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát là có căn cứ. Do đó, cần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 200.000.000 đồng theo giấy vay ngày 16/9/2022 do đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 và điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với số tiền 1.100.000.000 đồng theo giấy xác nhận nợ có ghi ngày 12/7/2022, 27/7/2022, 03/8/2022: tại giấy xác nhận nợ này chỉ có chữ ký của bà O, không có chữ ký của ông A. Ông A cho rằng các khoản vay này là khoản vay riêng của bà O, đồng thời dòng chữ “*tổng nợ là 1.300.000.000 đồng, cam kết 16/11/2022 trả đủ*” là của ông T ghi nên không có căn cứ buộc ông A phải liên đới trả khoản nợ 1.100.000.000 đồng cùng bà O mà chỉ mình bà O có trách nhiệm thanh toán cho ông T.

[3] Kháng cáo của ông A, bà O là có căn cứ chấp nhận một phần. Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng A, bà Lê Thị Tuyết O phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 217, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Tuyết O, ông Nguyễn Hoàng A.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2025/DSST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

2.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Á, bà Lê Thị Tuyết O đối với số tiền vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) ngày 16/9/2022.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T đối với bị đơn bà Lê Thị Tuyết O.

Buộc bà Lê Thị Tuyết O có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng Á liên đới với bà Lê Thị Tuyết O trả tiền vay 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Tuyết O phải chịu 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009889 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng Á, bà Lê Thị Tuyết O mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm ông Á, bà O đã nộp theo **Biên lai số 0027231 và 0027449 cùng ngày 16/10/2025 của** Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18, TP. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 18, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Nhật Thanh



